

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/KDTM-ST

Ngày 28-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Dịu và bà Hoàng Lê Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 30/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 04 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH Gõ S; trụ sở: Số 204, 205-38 đường ĐT 747B, khu phố Kh, phường Kh, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vương Đức Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Nội thất K; trụ sở: Số 108/09 đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Gõ S là ông Vương Đức Th trình bày:**

Vào ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Gõ S (gọi tắt là Công ty Sen Li) và Công ty TNHH Nội thất K (gọi tắt là Công ty K) có ký với nhau hợp đồng mua bán số 01/2023-SL&KHL về việc Công ty S bán cho Công ty K hàng hóa là các loại gỗ với số lượng, quy cách và đơn giá theo từng lần đặt hàng với thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn. Theo yêu cầu đặt hàng của Công ty K thì vào

tháng 10/2023 Công ty S đã giao cho Công ty K 49.233m<sup>3</sup> Gỗ dương xẻ có tổng giá trị là 313.284.348 đồng (theo hóa đơn số 384 ngày 30/10/2023). Tuy nhiên, cho đến nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng Công ty K vẫn chưa thanh toán số tiền mua hàng cho Công ty S theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng. Đối với số tiền còn lại chưa thanh toán Công ty S đã rất nhiều lần liên hệ nhắc nhở và yêu cầu phía Công ty K thực hiện việc thanh toán nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện việc thanh toán số tiền còn nợ. Việc Công ty K cố tình chây ỳ và không thanh toán số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng và gây ra cho Công ty S rất nhiều khó khăn và thiệt hại nghiêm trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong đơn khởi kiện Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ trả cho Công ty S một lần tổng số tiền là 322.682.878 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc: 313.284.348 đồng; Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/12/2023 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 29/02/2024) với lãi suất 1%/tháng là 9.398.530 đồng (Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ và giải quyết theo quy định)

Tại bản tự khai cung cấp cho Tòa án trước khi mở phiên tòa Công ty S có thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, cụ thể: Buộc Công ty K có nghĩa vụ trả cho Công ty S một lần tổng số tiền là 330.690.400đ (ba trăm ba mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng). Trong đó: Tiền gốc là 313.284.348đ (ba trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng). Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 28/6/2024 là 06 tháng 28 ngày với lãi suất 0,8% tháng là 17.406.052 đồng  $\{(313.284.348 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) \times 0,8\% = 17.406.052 \text{ đồng}\}$ . Lãi suất sau khi Tòa án xét xử sẽ được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty K đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty K được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ S là ông Vương Đức Th có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH Nội

thất K được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Gỗ S (gọi tắt là Công ty Sen Li) và Công ty TNHH Nội thất K (gọi tắt là Công ty K) ký kết hợp đồng mua bán số 01/2023-SL&KHL về việc mua bán hàng hóa. Nguyên đơn cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Hợp đồng mua bán số 01/2023-SL&KHL ngày 01/10/2022 được ký kết giữa Công ty S và Công ty K với nội dung: *“Bên A đồng ý bán cho bên B các mặt hàng như: Gỗ các loại; số lượng và quy cách sẽ thực hiện theo đơn đặt hàng của bên B; đơn giá hàng hóa có thể thay đổi theo từng đơn hàng và sẽ được hai bên thống nhất; tất cả các sản phẩm mà bên A bán cho bên B, số lượng và đơn giá đều dựa theo phiếu giao hàng”*. Thực hiện hợp đồng, ngày 13/10/2023 Công ty S đã giao hàng thành công cho Công ty K, loại hàng, số lượng và quy cách, đơn giá được thể hiện trong Hóa đơn giá trị gia tăng số 384 ngày 30/10/2023 cụ thể: Gỗ thông xẻ 25mm, số lượng 36,633m<sup>3</sup>, đơn giá 5.700.000 đồng/m<sup>3</sup>, thành tiền 208.808.100 đồng và Gỗ thông xẻ 50mm, số lượng 12,6m<sup>3</sup>, đơn giá 6.450.000 đồng, thành tiền 81.270.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng là 313.284.348 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán thì *“...Bên B thanh toán bằng chuyển khoản cho bên A sau khi nhận được hóa đơn GTGT 30 ngày”*. Như vậy sau khi nhận được hóa đơn GTGT 30 ngày thì Công ty K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng hết thời hạn thỏa thuận Công ty K vẫn không thực hiện. Như vậy, Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Quá trình tố tụng Công ty K đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình về việc không thừa nhận chữ ký, mộc dấu của mình trong các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, đồng thời bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty K phải trả số tiền đã mua hàng 313.284.348 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Tại Điều 306 Luật thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Do bị đơn vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng nên ngoài việc thanh toán tiền mua hàng thì bị đơn còn phải thực hiện trả tiền lãi trên số tiền chậm trả.

Mức lãi theo lãi suất cho vay ngắn hạn trung bình cộng của ba ngân hàng tại địa phương: Theo Công văn số 106/NHNo.ST-KHRR ngày 26/3/2024 thì mức lãi do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh KCN Sóng Thần áp dụng đối với loại vay ngắn hạn: 6,5%/năm. Theo Công văn số 221/NBD-KT ngày 27/3/2024 thì mức lãi cho vay của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương áp dụng đối với loại vay ngắn hạn: 5,3%/năm. Theo Công văn số 127/CV-CNKCND.BD.TH ngày 26/3/2024 thì mức lãi cho vay của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương áp dụng đối với loại vay ngắn hạn: 9%/năm. Như vậy, mức lãi cho vay ngắn hạn trung bình là: 6,93 %/năm (tương đương 0,578%/tháng); lãi suất quá hạn 150% (0,578%/tháng x 150%) là 0,867%/tháng (tương đương 0,029%/ngày). Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,8%/tháng (tương đương 0,027%/ngày) là phù hợp nên Tòa án chấp nhận. Thời gian tính lãi suất được xác định từ ngày 01/12/2023 đến ngày 28/6/2024. Như vậy, bị đơn phải thực hiện trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho nguyên đơn là 17.406.052 đồng. [Cụ thể: (313.284.348 đồng x 06 tháng 28 ngày) x 0,8% = 17.406.052 đồng].

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Gổ S đối với Công ty TNHH Nội thất K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty TNHH Nội thất K phải thanh toán cho Công ty TNHH Gổ S tổng số tiền là 330.690.400đ (ba trăm ba mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng).

Trong đó:

+ Tiền gốc là 313.284.348đ (ba trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).

+ Tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 28/6/2024 là 17.406.052đ (mười bảy triệu bốn trăm linh sáu nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH Nội thất K phải chịu số tiền là 16.534.520đ (mười sáu triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH Gỗ S số tiền 8.067.072đ (tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi hai đồng) theo Biên lai số 0004518 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**